TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 265/2024/DS-ST
Ngày 28 – 11 – 2024
V/v tranh chấp HĐ về hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Ngọc Sơn
2. Ông Trần Văn Giang

- Thư ký phiên toà: Ông Lữ Tấn Thiên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 441/2024/TLST-DS, ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng về hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 330/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Quách Văn S, sinh ngày 01/01/1964; Địa chỉ: ấp Tân T, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1960 và ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1954; Địa chỉ: ấp Tân T, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (bà H có mặt, ông L xin vắng mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1966; Địa chỉ: ấp Tân T, xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, ông Quách Văn S (nguyên đơn) trình bày:

Ngày 01/3/2015, ông Nguyễn Văn L cùng vợ là bà Lê Thị H làm chủ hụi, mở dây hụi mệnh giá 2.000.000 đồng, hụi tháng khui 01 lần vào ngày 01 hàng tháng, dây hụi có 22 chân, ông cùng vợ là bà Nguyễn Thị B tham gia chơi 03 chân. Quá trình giao dịch, vợ chồng ông đóng hụi đầy đủ đến kỳ khui hụi thứ 20, vợ chồng ông L hỏi mượn của vợ chồng ông 01 chân hụi thì vợ chồng ông đồng ý và theo thỏa thuận chân hụi này đến mãn, vợ chồng ông L phải trả cho vợ chồng ông số tiền 42.000.000 đồng bằng số tiền hụi mãn mà vợ chồng ông được lĩnh hụi. Riêng 02 chân hụi còn lại, vợ chồng ông đóng hụi sống đến ngày mãn hụi là ngày 01/01/2017 âm lịch nhưng vợ chồng ông L vẫn không chung tiền hụi cho vợ chồng

ông với số tiền là 84.000.000 đồng (đã trừ tiền hoa hồng). Trong dây hụi trên, vợ chồng ông L còn nợ vợ chồng ông tổng số tiền là 126.000.000 đồng. Ngoài ra, vợ chồng ông L còn nợ vợ chồng ông số tiền 41.000.000 đồng do chung tiền lĩnh hụi cho vợ chồng ông còn thiếu trước đó và mượn vợ chồng ông số tiền 10.000.000 đồng để tràn hụi chết cho người khác. Cả hai lần mở hụi, vợ chồng ông L không có giao danh sách hụi cho hụi viên mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói với nhau. Sau đó, vợ chồng ông L có viết giấy nợ tiền hụi của vợ chồng ông với tổng số tiền là 177.000.000 đồng và sau khi viết giấy nợ, vợ chồng ông L có trả cho vợ chồng ông được số tiền 14.500.000 đồng, việc trả có viết giấy tay, hiện vợ chồng ông L còn nợ lại số tiền 162.500.000 đồng đến nay chưa trả. Nay ông yêu cầu ông L cùng bà H có trách nhiệm trả một lần cho vợ chồng ông số tiền còn nợ nêu trên. Ngoài ra, ông không yêu cầu thêm khoản nào khác.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, bà Lê Thị H (bị đơn) trình bày:

Bà với ông Nguyễn Văn L là vợ chồng. Bà xác định lời trình bày của ông Quách Văn S là đúng, việc chơi hụi có lập danh sách hụi giao cho hụi viên nhưng không có đăng ký với chính quyền địa phương. Hiện vợ chồng bà có nợ vợ chồng ông S tổng số tiền 177.000.000 đồng (một trăm bảy mươi bảy triệu đồng), việc nợ có ghi biên nhận vào tháng 01 năm 2020. Sau đó, vợ chồng bà có trả được số tiền 14.500.000 đồng, hiện vợ chồng bà còn nợ vợ chồng ông S số tiền 162.500.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn, bà xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đồng thời, trong thời gian giải quyết vụ án bà có nộp đơn xin miễn nộp tiền án phí.

Tại đơn xin hòa giải, xét xử vắng mặt đề ngày 07/11/2024, ông Nguyễn Văn L (bị đơn) trình bày:

Ông và vợ của ông là bà Lê Thị H có nợ vợ chồng ông Quách Văn S số tiền 177.000.000 đồng và có trả được số tiền 14.500.000 đồng. Hiện vợ chồng ông còn nợ và đồng ý trả cho vợ chồng ông S số tiền 162.500.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn, vợ chồng ông xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và do ông đang bị bệnh, việc đi lại gặp khó khăn nên xin vắng mặt trong các lần Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử vụ án. Đồng thời, ông L có nộp đơn xin miễn nộp tiền án phí đề ngày 07/11/2024.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị B (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Bà có cùng ý kiến với chồng bà là ông Quách Văn S và yêu cầu vợ chồng ông L có trách nhiệm trả một lần hết số tiền còn nợ là 162.500.000 đồng cho vợ chồng bà, không đồng ý việc bà H xin trả dần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn được xác định là tranh chấp hợp đồng về hụi. Quá trình thực hiện thỏa thuận về hụi, nguyên đơn đã đóng hụi đến

ngày 01/01/2017 (AL) là mãn hụi nhưng bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả lại tiền hụi đã góp cho nguyên đơn, nên giữa các đương sự xảy ra tranh chấp.

[2] Xét nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng việc mở dây hụi ngày 01/3/2015 (AL) giữa các đương sự tuy không có đăng ký với chính quyền địa phương nhưng được các đương sự thừa nhận về thời gian mở hụi, thời gian khui hụi, loại hụi, số hụi viên tham gia và số chân hụi nguyên đơn tham gia, số kỳ hụi nguyên đơn đã đóng, chân hụi bị đơn đã mượn hốt và thời gian hụi mãn là sự thật nên không phải chứng minh.

[3] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự thừa nhận sau khi hụi mãn đến tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự đối chiếu các khoản nợ hụi với nhau và bị đơn có viết biên nhận nợ nguyên đơn tổng số tiền là 177.000.000 đồng. Sau đó, bị đơn có trả được cho nguyên đơn số tiền 14.500.000 đồng vào tháng 5 năm 2020, việc trả cũng được đối chiếu, bị đơn có viết biên nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 162.500.000 đồng và đồng ý trả số tiền này. Xét thấy lời thừa nhận nợ của bị đơn phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn, phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, được chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm thanh toán nợ, tuy bà Bình không có yêu cầu độc lập nhưng số tiền bị đơn nợ được nguyên đơn thừa nhận là tài sản chung của vợ chồng và bị đơn cũng đồng ý trả nợ cho vợ chồng nguyên đơn nên có cơ sở buộc bị đơn trả số tiền 162.500.000 đồng (một trăm sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) cho nguyên đơn cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[5] Về thời gian và phương thức thanh toán nợ, Hội đồng xét xử xét thấy do các đương sự không thỏa thuận được với nhau và việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu nhưng do bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên xét miễn cho bị đơn. Đối với nguyên đơn không phải chịu, do nguyên đơn cũng là người cao tuổi đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải hoàn lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 468, 471 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Quách Văn S.

Buộc bà Lê Thị H, ông Nguyễn Văn L trả cho bà Nguyễn Thị B, ông Quách Văn S số tiền là 162.500.000 đồng (một trăm sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà B, ông S có đơn yêu cầu thi hành án, ông L cùng bà H không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất

quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn L là người cao tuổi, nên được miễn nộp án phí theo quy định.

Ông Quách Văn S không phải nộp, đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải hoàn lại.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lâm Hoài Ân